

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24-3-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Luyến

Ông Phạm Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 39/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 2 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn T; nơi cư trú: Thôn G, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị N; nơi đăng ký thường trú: Thôn G, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: 5 B, Goodwood Heights A; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/01/2025 và bản tự khai, nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị Ngọc kết H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận đến đầu tháng 3/2023, chị N đi lao động và sinh sống tại NewZealand. Do khoảng cách về địa lý, ít thời gian quan tâm đến nhau, nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T yêu cầu ly hôn chị N.

Về con chung: Anh T và chị N có 02 con chung là Phạm Thanh T1, sinh ngày 20/9/2017 và Phạm Bảo T2, sinh ngày 07/6/2019. Anh T và chị N thoả thuận: Sau khi ly hôn anh chị sẽ làm thủ tục cho 02 con du học ở NewZealand và sinh sống cùng chị N. Vì vậy, anh chị đã thống nhất giao hai con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị N tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 24/01/2025 bị đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, mâu thuẫn của vợ chồng như trình bày của anh T. Chị N cũng xét thấy không còn tình cảm với anh T nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung như trình bày của anh T. Chị N đồng ý với yêu cầu nuôi con của anh T.

Về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đang cư trú tại Hải Phòng, bị đơn hiện đang ở N. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị Ngọc kết H trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp. Anh T và chị N đều xác nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023 và đã sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm trách nhiệm, không còn tình cảm vợ chồng. Anh T yêu cầu ly hôn, chị N đồng ý. Xét hôn nhân của anh T và

chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

[4] Về con chung: Anh T và chị N xác nhận có 02 con chung là Phạm Thanh T1, sinh ngày 20/9/2017 và Phạm Bảo T2, sinh ngày 07/6/2019. Xét việc thoả thuận nuôi con của anh T và chị N là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu T1, phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận. Cần giao 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Anh T và chị N không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, các điều 273, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T được ly hôn chị Phạm Thị N.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Thanh T1, sinh ngày 20/9/2017 và Phạm Bảo T2, sinh ngày 07/6/2019 cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001080 ngày 24/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Chị Phạm Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Phòng;
- Cục THADS TP. Hải Phòng;
- UBND xã Việt Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN T

Phạm Mạnh Hùng Nguyễn Thị Luyện

Nguyễn Thị Bích Thủy